

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày: 11/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh
Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST- QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn K, sinh ngày 30/5/1985 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: thôn K, xã H, T phố P, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; CMND số 100932707, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp, trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D và bà Phan Thị O; vợ con chưa có; tiền án; tiền sự: không

Nhân thân: Tại Bản án số 171/2008/HSST ngày 26/9/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 07 năm tù về tội "Cướp tài sản", đã được xóa án tích.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/10/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (Có mặt).

2. Bùi Khắc T, sinh ngày 23/8/1986 tại huyện D, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn Đ, xã P, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; CMND số 070733871, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày

24/02/2004, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Khắc T và bà Lưu Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, con chưa có. Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 119/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Khắc T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Bùi Khắc T phải truy nộp số tiền 9.500.000đ để sung quỹ nhà nước, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2013, đối với khoản truy thu số tiền 9.500.000đ để sung quỹ nhà nước chưa thi hành. Nhân thân: Không.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; huyện Tam Đ, tỉnh Lai Châu.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/8/2020, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác (Có mặt).

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 26/02/1986 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn C, xã L, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; CMND: Không có; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công K (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 20/2018/HSST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", đã được xóa án tích.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/8/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (Có mặt).

Bị hại: Anh Bùi Ngọc T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 12/8/2020 anh Bùi Ngọc T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, phát hiện chiếc máy đào bánh xích, nhãn hiệu Doosan, mã kiểu loại DX55MTACE để bên cạnh nhà ở bị

tháo trộm mất một số linh kiện: 01 hộp điều khiển động cơ, 01 cục điều tốc điện bơm cao áp, 01 màn hình hiển thị, 01 giắc cắm điện vào hộp điều khiển động cơ, 01 giắc cắm điện vào cục điều tốc điện bơm cao áp; 01 giắc cắm điện vào màn hình hiển thị. Sau khi bị mất trộm điện thoại, anh T1 đã có đơn trình báo lên Công an thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang. Sau khi tiếp nhận thông tin Công an thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang xét thấy vụ việc có tính phức tạp, giá trị tài sản bị trộm cắp lớn, chưa xác định được đối tượng trộm cắp nên đã chuyển vụ việc lên Công an huyện Bắc Quang để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu thập chứng cứ, xác minh. Quá trình điều tra bước đầu đã xác định Hoàng Văn K, sinh năm 1985, trú tại: thôn K, xã H, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; Bùi Khắc T, sinh năm 1986, trú tại: thôn Đ, xã P, huyện D, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại: thôn C, xã L, huyện D, tỉnh Tuyên Quang là đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T1.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ khai nhận: Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ cùng nhau ở tại phòng trọ của Đ ở khu 8, xã C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/8/2020, K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ T cùng tham gia với mình đi xem có nhà dân nào để máy đào, máy xúc sơ hở sẽ tìm cách tháo trộm linh kiện của máy để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và được T đồng ý. Lúc đó ở phòng trọ, ngoài T và K còn có Đ cũng có mặt. Sau khi nói với T xong, K quay sang hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 22B2-385.99, nhãn hiệu YAMHA SIRIUS, màu xe xám đen của Đ và nói "*hôm nay cho hai anh em mượn xe đi làm*" (ý K nói với Đ cho mượn xe để đi trộm cắp tài sản). Do cả ba ở cùng nhau và thường xuyên nói chuyện nên Đ hiểu ý của K và đồng ý cho K mượn xe. K dắt xe ra ngoài, đồng thời mang theo một túi xách bằng vải màu đen đã để ở phòng trọ từ trước, bên trong đựng các dụng cụ gồm: 01 (một) tua vít, 01 (một) tay chụp vặn ốc, 01 (một) kéo cắt K loại, 01 (một) đôi găng tay, K móc túi vào móc treo đồ bên phải của xe máy. Do có việc ở huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Đ có đi cùng K và T. K là người điều khiển xe máy, ngồi giữa là Đ, còn T ngồi phía sau cùng đi dọc theo Đ Quốc lộ 2 đi lên Hà Giang. Khi đến khu chợ huyện H, tỉnh Phú Thọ thì Đ xuống xe, sau đó đi về huyện S, tỉnh Tuyên Quang, còn K và T tiếp tục di chuyển theo Đ Quốc lộ 2 đi về hướng tỉnh Hà Giang. Đến khoảng 15 giờ chiều ngày 11/08/2020, cả hai lên đến khu vực tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q thì phát hiện một chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN, DX55 (*cũ đã qua sử dụng*) của gia đình ông Bùi Ngọc T1, sinh năm 1983, trú tại tổ T, thị trấn T, huyện Q để ở phía bên trái Đ Quốc lộ 2 (*hướng Tuyên Quang - Hà Giang*). Sau khi quan sát địa điểm, nơi để tài sản xong, K nói với T mình sẽ trộm linh kiện máy đào bánh xích đó, sau đó cả hai quay về huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để nghỉ ngơi, chờ đến đêm quay lại chỗ có máy đào bánh xích trên để thực hiện hành vi trộm cắp. Đến khoảng 00

giờ 30 phút ngày 12/8/2020, T điều khiển xe máy chở theo K mang theo túi dụng cụ đã chuẩn bị sẵn để đi lên địa điểm nơi để máy đào bánh xích. Đến nơi, quan sát không có ai, T điều khiển xe máy quay đầu đi sang Đ và dừng xe ở bên phải Đ (*hướng đi Tuyên Quang*), còn K xuống xe và nói với T "*mày đi xuống dưới đơi, khi nào trộm được thì tao gọi đón*", sau đó tay phải K cầm túi dụng cụ, tay trái K cầm đôi dép của mình để không phát ra tiếng động rồi đi vào chỗ để máy đào bánh xích, còn T điều khiển xe máy theo Đ quốc lộ 2 đi theo hướng Tuyên Quang, cách vị trí K trộm cắp khoảng 300m thì dừng xe lại để đợi K. Khi vào đến nơi, K bỏ túi đồ xuống, dùng tay phải cầm lấy kéo trong túi xách, đưa mũi kéo vào ổ khóa cạy mở cốp sau của máy đào bánh xích đẩy mở cốp lên. Lo sợ bị phát hiện nên sau khi mở cốp, K đi ra phía ngoài ngay sát cột điện bê tông đầu tiên bên phải tính từ ngoài Đ vào của xưởng gara ô tô C, quan sát không thấy ai nên K tiếp tục đi vào chỗ cốp máy đào bánh xích dùng tay chụp vặn, tháo ốc của hộp điều khiển động cơ máy, sau đó dùng kéo cắt lấy cả phần dây điện có gắn giắc cắm. K tiếp tục dùng tay chụp vặn, tháo ốc cục điều tốc của máy, dùng kéo cắt lấy cả phần dây điện có gắn giắc cắm. K cho số linh kiện vừa lấy được vào túi và đi đến bên khoang lái của máy, chui qua ô cửa kính bên phải và dùng kéo cạy cửa kính ra, sau đó chui vào bên trong khoang lái, dùng tua vít vặn tháo ốp nhựa, tháo lấy màn hình hiển thị của máy và đi ra bên ngoài bằng Đ cũ. Sau khi thực hiện xong, K cho toàn bộ số linh kiện, phụ kiện vừa lấy được vào túi và quay trở ra phía ngoài Đ gọi điện thoại cho T nói "*tao lấy xong rồi mày lên đón đi*". Nghe điện thoại xong, T điều khiển xe máy đến vị trí K đang đứng chờ, lúc này K đưa túi đựng dụng cụ và linh kiện trộm được cho T móc vào móc treo đồ bên phải của xe. Sau đó K bảo để K điều khiển xe, còn T ngồi lùi về phía sau, cả hai di chuyển một mạch đến phòng trọ tại khu 8, xã C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Trên Đ về, K đã trao đổi với T số linh kiện trộm cắp được. Về đến phòng trọ, cả hai lấy số linh kiện đó ra kiểm tra. Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/8/2020, Đ đi xuống đến phòng trọ thấy K, T đang ngủ. Khi tỉnh dậy, K kể lại chuyện đi lấy trộm tài sản tại Hà Giang cho Đ nghe, số tài sản K và T lấy được gồm: hộp điều khiển động cơ (hộp đen), cục điều tốc, màn hình của máy đào bánh xích Doosan DDX55, sau đó K nhờ Đ đi bán hộ và được Đ đồng ý và lấy linh kiện ra xem. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/8/2020, Đ mang số linh kiện trên đi bán cho một người đàn ông (*không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) tại quán ở thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (*không nhớ tên quán và địa chỉ cụ thể*) được 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*) và quay về phòng trọ đưa cho K số tiền trên. K nhận tiền và chia cho T số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), cho Đ số tiền công đi bán 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Toàn bộ số tiền trên, K, T, Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại biên bản họp định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang đã định giá và kết luận:

- 01 (một) hộp điều khiển động cơ của máy đào bánh xích, nhãn hiệu DOOSAN, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 15.700.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

- 01 (một) cục điều tốc điện bơm cao áp của máy đào bánh xích, nhãn hiệu Doosan, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 13.700.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- 01 (một) màn hình hiển thị của máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 13.170.000 đồng (mười ba triệu một trăm bảy trăm nghìn đồng).

- 01 (một) giắc cắm điện vào hộp điều khiển động cơ của máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 1.130.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

- 01 (một) giắc cắm điện vào cục điều tốc điện bơm cao áp của máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 730.000 đồng (bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

- 01 (một) giắc cắm điện vào màn hình hiển thị của máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN, mã kiểu loại DX55MTACE, năm sản xuất 2011, nhập khẩu năm 2018, cũ đã sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 8/2020 có giá trị là 1.130.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 45.560.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 28/09/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 170, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành giám định đối với 02 đoạn video được lưu trữ trong 01 (một) USB màu đen, cam, có chữ số 2 GB ghi lại hình ảnh Hoàng Văn K có mặt tại hiện trường và thực hiện hành vi phạm tội.

Ngày 20/11/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã có Kết luận giám định số 6833/C09-P6, kết luận: "không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp tin video gửi giám định".

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKSBQ ngày 24/3/2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà

Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58; đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn K đề nghị xử phạt Hoàng Văn K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Khắc T đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Khắc T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành án. Về xử lý vật chứng: Đối với các công cụ, phương tiện mà các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ sử dụng khi trộm cắp tài sản gồm 01 (một) xe mô tô BKS 22B2-385.99, nhãn hiệu YAMHA SIRIUS, màu xe xám đen, cò lê các loại, doa, kim, tua vít, túi vải đen, không thu giữ trong vụ án này (*Hiện đã được Công an tỉnh Tuyên Quang, Công an tỉnh Lai Châu thu giữ để phục vụ công tác điều tra trong vụ án khác*). Do vậy đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng các Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại của các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ và bị hại Bùi Ngọc T1 tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo K, T và Đ phải liên đới bồi thường cho bị hại T1 giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt theo phần các bị cáo được chia.

Ý kiến của bị hại Bùi Ngọc T1 tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Về tội danh và hình phạt, đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã trộm cắp gồm:

- Giá trị tài sản bị mất như kết luận của Hội đồng định giá với số tiền là 45.560.000đ (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Thu nhập bị mất trong thời gian khoảng 2 tháng là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*).

- Tiền xăng xe chi phí để đi tìm tài sản bị mất là 1.340.000đ (*một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Tiền công thuê kỹ sư lắp đặt một số bộ phận của máy bị mất là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền bị hại anh Bùi Ngọc T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường là 91.900.000đ (*chín mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên ngày 02/2/2021 gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ và gia đình bị cáo Bùi Khắc T đã bồi thường cho bị hại mỗi gia đình là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000

đồng. Tại phiên tòa bị hại T1 chỉ yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ phải bồi thường số tiền là 77.900.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Các bị cáo lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm trở T người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; Kết luận giám định số: 6833/C09-P6 ngày 16/12/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang ngày 20/10/2020, biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ thực nghiệm điều tra và bản ảnh thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có nội dung quy định như sau:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp ngày 12/8/2020 của bị hại Bùi Ngọc T1 là 45.560.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn*

đồng). Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án này cho thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất đồng phạm giản đơn. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Hoàng Văn K là người khởi sự, chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Bùi Khắc T giữ vai trò canh giới, giúp sức tích cực cho bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội và khi chia số tiền trộm cắp tài sản bị cáo T được chia số tiền là 5.000.000đ, nên vai trò của bị cáo T đứng thứ hai sau bị cáo K.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ tuy không trực tiếp tham gia trộm cắp nhưng đã đồng ý cho bị cáo K mượn xe máy đi trộm cắp, hơn nữa bị cáo là người mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, khi chia số tiền trộm cắp tài sản bị cáo Đ được ít hơn so với bị cáo Hoàng Văn K và Bùi Khắc T.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Năm 2012 Bị cáo Bùi Khắc T đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản tại Bản án số 119/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, T phố Hà Nội xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 9.500.000đ để sung quỹ Nhà nước, tuy nhiên bị cáo T chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự, nên chưa được xóa án tích. Trong khi chưa được xóa án tích, ngày 12/8/2020 bị cáo T lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Bùi Ngọc T1, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn K, Nguyễn Văn Đ: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã T khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Bùi Khắc T đã tác động với gia đình để bồi thường, khắc phục hậu quả một phần cho gia đình bị hại T1 nên bị cáo Đ và T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn K có ông nội là Hoàng Văn Ngũ là người có công với cách mạng được nhà

nước tặng thưởng huân chương hạng nhất. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có ông ngoại là Nguyễn Quang T2 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và là liệt sỹ, nên bị cáo K và bị cáo Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn K và bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu, cụ thể: Năm 2008 bị cáo Hoàng Văn K bị Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh kết án 07 năm tù về tội "Cướp tài sản". Bị cáo Nguyễn Văn Đ năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", ngoài thực hiện hành vi trộm cắp trong vụ án này, các bị cáo K, T và Đ còn thực hiện hành vi trộm cắp trên các địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Cao Bằng, tỉnh Lai Châu, hiện các bị cáo đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong nhiều vụ án khác. Điều đó cho thấy các bị cáo có lối sống coi thường kỷ cương của xã hội, pháp luật của Nhà nước.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung. Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại bản án số 57/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã kết án các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" tuy nhiên bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không có căn cứ để tổng hợp hình phạt trong bản án này.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Bị hại Bùi Ngọc T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản như sau:

- Giá trị tài sản bị mất như kết luận của Hội đồng định giá với số tiền là 45.560.000đ (*bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu trăm nghìn đồng*).

- Thu nhập bị mất trong thời gian khoảng 2 tháng là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*).

- Tiền xăng xe chi phí để đi tìm tài sản bị mất là 1.340.000đ (*một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Tiền công thuê kỹ sư lắp đặt một số bộ phận của máy bị mất là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền bị hại Bùi Ngọc T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường là 91.900.000đ (*chín mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên ngày 02/02/2021 gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ và gia đình bị cáo Bùi Khắc T đã bồi thường, mỗi gia đình 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*), tổng cộng là 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*), nay bị hại Bùi Ngọc T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số

tiền còn lại là 77.900.000đ (*bảy mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa, các bị cáo đã tự nguyện chấp nhận bồi thường cho bị hại số tiền trên, nên cần áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo K, T và Đ phải liên đới bồi thường cho anh T1 giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt theo phần các bị cáo được chia.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với các công cụ, phương tiện mà các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ sử dụng khi trộm cắp tài sản gồm 01 (một) xe mô tô BKS 22B2-385.99, nhãn hiệu YAMHA SIRIUS, màu xe xám đen, cò lê các loại, doa, kim, tua vít, túi vải đen. Nhận thấy 01 (một) xe mô tô BKS 22B2-385.99 là phương tiện để các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản cần phải tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước, các vật chứng còn lại là cò lê các loại, doa, kim, tua vít, túi vải đen nhận thấy không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy, tuy nhiên các vật chứng không thu giữ trong vụ án này (*Hiện đã được Công an tỉnh Tuyên Quang, Công an tỉnh Lai Châu thu giữ để phục vụ công tác điều tra trong vụ án khác*). Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với tài sản là các linh kiện máy đào bánh xích mà các bị cáo đã trộm cắp và đem đi tiêu thụ, Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại T1 đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại do tài sản bị mất trộm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58; đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn K.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Khắc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58; điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 30, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Khắc T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại của các bị cáo Hoàng Văn K, Bùi Khắc T, Nguyễn Văn Đ và bị hại Bùi Ngọc T1 tại phiên tòa như sau:

- Bị cáo Hoàng Văn K phải bồi thường cho bị hại Bùi Ngọc T1 sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 35.000.000^d (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

- Bị cáo Bùi Khắc T phải bồi thường cho bị hại Bùi Ngọc T1 sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 35.000.000^d (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại Bùi Ngọc T1 sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 7.900.000^d (*Bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Buộc bị cáo Hoàng Văn K phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Bùi Khắc T phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 395.000đ (Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: HSVA, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung